

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thành;
2. Ông Dương Tấn Hải;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lưu Văn S, S năm: 1974; Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh L, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Châu P1, S năm: 1976; Nơi ĐKKHKT: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh L; chỗ ở hiện nay: Số 396, Tổ 9, Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Lưu Văn S cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng ông S và bà P1 tổ chức đám cưới năm 1997. Đến năm 2004, vợ chồng ông S T1 hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2004, ngày 10/02/2004. Hôn nhân của vợ chồng ông S là tự nguyện, qua mai mối rồi vợ chồng ông T1 tới hôn nhân, chứ không có tìm hiểu nhau trước. Sau khi cưới nhau, vợ chồng ông S sống chung với gia đình bên ông S. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân là bà P1 không có trách nhiệm với gia đình, nhất là với mẹ của ông S, bà P1 không chăm sóc cho mẹ chồng già yếu. Bà P1 đi làm thu nhập chỉ để tiêu xài riêng cho bà P1, chứ không có phụ ông S lo cho gia đình. Ông S đã nhiều lần nói chuyện với bà P1 về việc chăm sóc cho mẹ ông S cũng như cùng ông S lo cho gia đình nhưng bà P1 vẫn không thay đổi. Vợ chồng ông S đã ly thân từ năm 2006 cho đến nay. Ông S nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà P1 nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lưu Thị Cẩm V, S ngày 29/4/1998 và Lưu Văn T1, S ngày 04/4/2004. Hiện nay, hai con chung đã đủ tuổi trưởng

thành nên ông S không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã T1 hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Châu P1. Bà P1 không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của ông S và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lưu Văn S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Châu P1 có nơi cư trú tại Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Châu P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà P1.

[2] Về hôn nhân: Ông Lưu Văn S và bà Nguyễn Châu P1 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2004 ngày 10/02/2004 nên xác định hôn nhân giữa ông S và bà P1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hôn nhân của vợ chồng ông bà là tự nguyện. Sau khi cưới nhau, vợ chồng ông S sống chung với gia đình bên ông S. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân là bà P1 không có trách nhiệm với gia đình, nhất là với mẹ của ông S, bà P1 không chăm sóc cho mẹ chồng già yếu. Bà P1 đi làm thu nhập chỉ để tiêu xài riêng cho bà P1. Về phía bà P1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P1 nhưng bà P1 không đến Tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy cả ông S và bà P1 đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông S và bà P1 không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S đối với bà P1.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lưu Thị Cẩm V, S ngày 29/4/1998 và Lưu Văn T1, S ngày 04/4/2004. Hiện nay, hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên ông S không có yêu cầu gì, bà P1 không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông S trình bày không có, bà P1 không có ý kiến gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn S về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Nguyễn Châu P1.

Về hôn nhân: Ông Lưu Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Châu P1.

Về án phí: Ông Lưu Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai thu số 0005990 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ An Xuân

